TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2021/HNGĐ-ST
Ngày 12 – 4 – 2021
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Hồng

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Huỳnh Thị Sang

Bà Lê Thanh Trang

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Quỳnh Mai – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

Ngày 12 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 23/2020/TLST–HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2020 về tranh chấp ly hôn.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Tạ Nguyễn Ái P, sinh năm: 1994;
Địa chỉ: Số XZ PT, xã PN, huyện BĐ, tỉnh BT.

- *Bị đơn:* Ông Vũ Thành N, sinh năm: 1990;
Địa chỉ: ABCXYZ, Hoa Kỳ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 28 tháng 4 năm 2020 và bản tự khai ngày 02/6/2020 và đơn xin vắng mặt ngày 02/6/2020, nguyên đơn bà Tạ Nguyễn Ái P trình bày:

Bà và ông Vũ Thành N quen biết nhau từ tháng 8/2009. Đến ngày 12/4/2014, thì ông N đi định cư ở Hoa Kỳ. Sau đó, ông N có trở về Việt Nam. Tháng 9/2015, bà và ông N tổ chức hôn lễ ở nhà thờ do ông N là người đạo Công giáo. Tháng 11/2015, bà và ông Vũ Thành N đăng ký kết hôn tại Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 204/2015 ngày

16/11/2015. Sau khi kết hôn, ông N sống chung với bà ở Việt Nam đến tháng 12/2015 thì trở về Hoa Kỳ. Thời gian đầu bà và ông N vẫn liên lạc với nhau bình thường và ông N có về Việt Nam thăm bà vào tháng 10/2016. Hai bên cũng có trao đổi ông N sẽ làm thủ tục bảo lãnh bà sang Hoa Kỳ để vợ chồng sống gần nhau. Tuy nhiên, khi thủ tục bảo lãnh đang tiến hành thì đến năm 2017 vợ chồng bắt đầu xảy ra nhiều mâu thuẫn, hay cãi nhau và ông N ít dần liên lạc với bà. Đến đầu năm 2018 thì ông N tự cắt đứt mọi liên lạc với bà, cùng năm này ông N có về Việt Nam một lần và từ đó đến nay không trở về Việt Nam. Bà nhận được tin nhắn của bạn gái ông N ở Hoa Kỳ, người đó nhắn hình ảnh người đó và ông N chung sống ở Hoa Kỳ như vợ chồng. Bà có liên lạc với ông N thì ông N nói với bà là tự bà làm thủ tục đơn phương ly hôn ở Việt Nam vì bận công việc và kinh tế cũng khó khăn nên ông N không có khả năng tới lui làm giấy tờ. Bà nhận thấy tình cảm giữa bà và ông N không còn, vợ chồng cũng không thể hàn gắn. Vì vậy, bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

Về hôn nhân: Bà yêu cầu được ly hôn với ông Vũ Thành N, không yêu cầu cấp dưỡng vợ chồng sau khi ly hôn.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do bận công việc nên bà xin được vắng mặt trong phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và phiên tòa sơ thẩm.

Về phía bị đơn ông Vũ Thành N:

Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre đã tiến hành thủ tục ủy thác tư pháp để thông báo về việc thụ lý vụ án, triệu tập ông Vũ Thành N đến Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và phiên tòa hôn nhân gia đình sơ thẩm theo địa chỉ mà nguyên đơn cung cấp là ABCXYZ, Hoa Kỳ. Tuy nhiên, cơ quan có thẩm quyền của Hợp chúng quốc Hoa Kỳ không thực hiện được ủy thác tư pháp nêu trên do đương sự không còn ở tại địa chỉ được yêu cầu.

Sau đó, Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre đã thông báo kết quả ủy thác cho bà Tạ Nguyễn Ái P nhưng bà P trình bày địa chỉ của ông N mà bà cung cấp cho Tòa án là địa chỉ ông N cung cấp lúc đăng ký kết hôn với bà. Bà và ông N mất liên lạc đã lâu nên bà không biết địa chỉ nào khác của ông N để cung cấp cho Tòa án và bà có yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết trường hợp của bà theo quy định của pháp luật.

Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, ông Vũ Thành N vắng mặt nên Tòa án không ghi nhận được lời trình bày của ông N về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn bà Tạ Nguyễn Ái P, Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Quan hệ tranh chấp giữa bà Tạ Nguyễn Ái P và ông Vũ Thành N là ly hôn, nguyên đơn bà Tạ Nguyễn Ái P đang ở Việt Nam, bị đơn ông Vũ Thành N đang ở nước ngoài (Hoa Kỳ) nên căn cứ vào khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, khoản 2 Điều 38 và Điều 40 Bộ luật tố tụng dân sự thì thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa Gia đình và Người chưa thành niên thuộc Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

[2.1] Hồ sơ vụ án thể hiện bà Tạ Nguyễn Ái P và ông Vũ Thành N tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 2015, có đăng ký kết hôn tại Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre, vào sổ đăng ký kết hôn số 204/2015 ngày 16/11/2015 nên hôn nhân giữa bà Tạ Nguyễn Ái P và ông Vũ Thành N là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Theo lời trình bày của nguyên đơn bà Tạ Nguyễn Ái P thì sau khi kết hôn ông N sống chung với bà ở Việt Nam đến tháng 12/2015 thì trở về Hoa Kỳ. Thời gian đầu bà và ông N vẫn liên lạc với nhau bình thường và ông N có về Việt Nam thăm bà vào tháng 10/2016. Hai bên cũng có trao đổi ông N sẽ làm thủ tục bảo lãnh bà sang Hoa Kỳ để vợ chồng sống gần nhau. Tuy nhiên thủ tục bảo lãnh đang tiến hành thì đến năm 2017 vợ chồng bắt đầu xảy ra nhiều mâu thuẫn, hay cãi nhau và ông N ít dần liên lạc với bà. Đến đầu năm 2018 thì ông N tự cắt đứt mọi liên lạc với bà, cùng năm này ông N có về Việt Nam một lần và từ đó đến nay không trở về Việt Nam. Bà nhận được tin nhắn của bạn gái ông N ở Hoa Kỳ, người đó nhắn hình ảnh người đó và ông N chung sống ở Hoa Kỳ như vợ chồng. Bà có liên lạc với ông N thì ông N nói với bà là tự bà làm thủ tục đơn phương ly hôn ở Việt Nam vì bận công việc và kinh tế cũng khó khăn nên ông N không có khả năng tới lui làm giấy tờ. Bà nhận thấy tình cảm giữa bà và ông N không còn, vợ chồng cũng không thể hàn gắn. Vì vậy, bà P khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với ông Vũ Thành N.

[2.2] Xét thấy, sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành ủy thác tư pháp để thông báo về việc thụ lý vụ án, triệu tập ông Vũ Thành N đến Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và phiên tòa hôn nhân gia đình sơ thẩm theo địa chỉ mà nguyên đơn cung cấp là ABCXYZ, Hoa Kỳ; đây đồng thời là địa chỉ ông N đã cung cấp khi đăng ký kết hôn với bà P. Tuy nhiên, cơ quan có thẩm quyền của Hợp chúng quốc Hoa Kỳ không thực hiện được ủy thác tư pháp nêu trên do ông N không còn ở tại địa chỉ được yêu cầu. Sau đó, Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre đã thông báo kết quả cho bà Tạ Nguyễn Ái P nhưng bà P không cung cấp được địa chỉ mới và có yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết trường hợp của bà theo quy định của pháp luật. Ngày 11/3/2021, Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai

quyết định đưa vụ án ra xét xử trên cổng thông tin điện tử của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre trong thời gian 01 tháng kể từ ngày đăng quyết định. Tuy nhiên, hết thời hạn 01 tháng, kể từ ngày đăng quyết định, Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre vẫn không nhận được bất kỳ văn bản nào về ý kiến của ông Vũ Thành N đối với vụ án này, ngày mở phiên tòa ông Vũ Thành N vắng mặt không lý do. Hội đồng xét xử thấy rằng hôn nhân của ông N và bà P đã lâm vào tình trạng trầm trọng, ông bà không còn liên lạc với nhau, ông N thay đổi địa chỉ cũng không thông báo cho bà P biết, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc bà P yêu cầu ly hôn với ông N là có cơ sở nên được chấp nhận.

[3] Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Bà Tạ Nguyễn Ái P trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nhưng không nhận được văn bản ghi nhận lời trình bày của ông Vũ Thành N nên không có cơ sở xem xét. Nếu có phát sinh tranh chấp về tài sản chung và nợ chung thì các đương sự có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác.

[4] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không giá ngạch: Bà Tạ Nguyễn Ái P phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, khoản 2 Điều 38 và Điều 40 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 147, Điều 477 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 56 và Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc xin ly hôn của bà Tạ Nguyễn Ái P.

Bà Tạ Nguyễn Ái P được ly hôn với ông Vũ Thành N.

Về con chung, tài sản chung và về nợ chung: Bà Tạ Nguyễn Ái P trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nhưng không ghi nhận được lời trình bày của ông Vũ Thành N nên không có cơ sở xem xét. Nếu có phát sinh tranh chấp về tài sản chung và nợ chung thì các đương sự có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Tạ Nguyễn Ái P phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0005012 ngày 22 tháng 5 năm 2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bến Tre.

Bà Tạ Nguyễn Ái P được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ; ông Vũ Thành N được quyền kháng cáo trong thời hạn 01 (một) tháng kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ trên Cổng thông tin điện tử của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Vụ GĐT 1 TANDTC;
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- Cục THADS tỉnh Bến Tre;
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre;
- Các đương sự;
- Tòa GĐ và NCTN; Phòng KTNV; VP Tòa án Tỉnh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thế Hồng